

Bản án số: 20/2020/DS - ST

Ngày: 29 - 9 - 2020.

V/v: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH LƯU – NGHỆ AN

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Đóa

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đậu Cao Nhu

Bà Hồ Thị Huệ

- Thư ký phiên Tòa: Bà Vũ Hoàng Phương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Lưu - Nghệ An.

- Đại diện VKS nhân dân huyện Quỳnh Lưu tham gia phiên tòa: bà Trần Thị Thúy Nga- Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2020, tại hội trường Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Lưu, xét xử sơ thẩm vụ án Dân sự thụ lý số 90/2020/TLST - DS ngày 17/6/2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 134/2020/QĐXXST - DS ngày 11 tháng 9 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị T, sinh năm 1977. Có mặt.

Địa chỉ: Xóm 1, xã T S, huyện Q L, tỉnh Nghệ An.

2. Bị đơn: Anh Trần Ngọc Th, sinh năm 1987. Có mặt.

Địa chỉ: Xóm 6, xã T S, huyện Q L, tỉnh Nghệ An.

3. Người làm chứng:

Anh Tô Văn B, sinh năm 1980. Vắng mặt.

Địa chỉ: Xóm 5, xã T S, huyện Q L, tỉnh Nghệ An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Trần Thị T trình bày:

Vào ngày 20 tháng 6 năm 2019, chị cho anh Trần Ngọc Th (trú tại xóm 1, xã T S, huyện Q L) vay số tiền 30.000.000 đồng, chị T có viết giấy vay và anh Th ký vào. Đến ngày 21 tháng 6 năm 2019, anh Th đến nói con ốm cần đưa đi viện nên nhờ chị T cho vay thêm 10.000.000 đồng nữa và viết giấy anh Th vay 40.000.000 đồng. Giấy vay này do anh Th viết và ký vào. Lãi suất thỏa thuận 1,5%/tháng và hạn 1 tháng kể từ ngày 21 tháng 6 năm 2019 sẽ trả. Tuy nhiên từ khi quá hạn đến nay, chị T đã yêu cầu anh Th trả nợ nhưng anh Th chưa trả cho chị T được khoản tiền nào. Nay chị T yêu cầu anh Th trả nợ cho chị tiền gốc 40.000.000 đồng và lãi suất tính đến ngày 20 tháng 5 năm 2020 là: 40.000.000 đồng x 11 tháng x 1,5%/tháng =

6.600.000 đồng. Tổng cộng cả gốc và lãi chị T yêu cầu anh Th trả là 46.600.000 đồng.

Tại bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa bị đơn anh Trần Ngọc Th trình bày:

Chị T và anh Th có quan hệ là hàng xóm láng giềng, vào thời gian nào anh không nhớ rõ, anh có vay của chị T số tiền 40.000.000 đồng, nhằm mục đích kinh doanh, buôn bán và hẹn vài ngày sau sẽ trả, giấy vay tiền do chị T viết và anh ký vào, khi vay hai bên có thỏa thuận lãi suất là 2000 đồng/1 triệu/ngày. Sau đó anh Th đã trả cho chị T được 8.000.000 đồng. Việc trả 8.000.000 đồng này là do anh Th đã nhờ một người bạn tên B trả tiền qua tài khoản cho chị T vì anh B có nhờ anh Th vay tiền của chị T 10.000.000 đồng trong tổng số 40.000.000 đồng anh đã vay với chị T, nên anh chỉ còn nợ chị T 32.000.000 đồng. Nay chị T yêu cầu anh trả số tiền gốc và lãi là 46.600.000 đồng thì anh không nhất trí, vì anh đã trả được 8.000.000 đồng tiền gốc thông qua anh Tô Văn B. Anh Th cũng xin chị T cho anh trả nợ dần vì điều kiện của anh hiện nay rất khó khăn.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập anh Tô Văn B nhiều lần, nhưng anh B không hợp tác, ngày 01 tháng 9 năm 2020, anh B có bản khai gửi Tòa án trình bày như sau: Anh không nhớ rõ thời gian nhưng vào khoảng cuối tháng 6 năm 2019, anh B có nhờ anh Th đứng ra vay tiền của chị T cho anh 10.000.000 đồng, và hẹn một tuần sau sẽ trả. Chị T là người đưa tiền trực tiếp cho anh, nên khi anh Th gọi điện nói anh gửi tiền về cho anh Th thì anh B không gửi mà anh B nói với anh Th “tôi vay tiền trực tiếp từ chị T thì tôi trả cho chị T chứ không liên quan đến anh Th, vì anh Th chỉ đứng ra vay tiền cho tôi chứ không đưa tiền cho tôi”. Sau đó anh B điện cho chị T nói “trả tiền cho chị hay cho anh Th”, thì chị T nói chuyển cho chị 8.000.000 đồng, còn cho Th vay 2.000.000 đồng vì con đang đi viện”, nên anh B đã chuyển cho chị T 8.000.000 đồng, và chuyển cho anh Th 2.000.000 đồng. Do đó việc anh Th nói anh B trả số tiền cho chị T là tiền của tôi vay chị T, không liên quan đến anh Th, tôi chỉ nhờ anh Th đứng ra vay. Việc đứng ra vay không có giấy tờ gì, còn anh B nhận tiền từ chị T nên trả cho chị T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Lưu phát biểu quan điểm về vụ án:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, thư ký đã thực hiện đúng các trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật tố tụng. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

- Về đường lối giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị T, buộc bị đơn anh Trần Ngọc Th phải trả cho chị T số tiền nợ gốc 40.000.000 đồng và lãi suất 1,5%/tháng như nguyên đơn yêu cầu.

- Về án phí: Buộc bị đơn phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Hội đồng xét xử xác định đây là quan hệ tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự và anh Trần Ngọc Th có hộ khẩu thường trú tại xóm 6, xã T S, huyện Q L nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Q L theo khoản 2 Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung:

Xét giấy vay tiền ngày 21 tháng 6 năm 2019, giữa chị Trần Thị T và anh Trần Ngọc Th được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có nội dung phù hợp với quy định pháp luật, không trái với đạo đức xã hội, nên Hội đồng xét xử nhận định đây là hợp đồng hợp pháp, là căn cứ để giải quyết quyền và nghĩa vụ của các bên.

Anh Th đã ký tên vào giấy vay tiền, và cũng thừa nhận có vay của chị T số tiền 40.000.000 đồng, thời hạn trả nợ theo giấy vay là 01 tháng, nhưng theo anh Th là vài ngày. Như vậy tính đến nay đã quá hạn trả nợ.

Anh Th cho rằng đã trả cho chị T 8.000.000 đồng thông qua anh Tô Văn B, vì anh Th đứng ra vay tiền của chị T cho anh B 10.000.000 đồng trong tổng số tiền 40.000.000 đồng. Tuy nhiên, theo anh B và chị T cùng khai anh Th chỉ đứng ra làm chứng, còn chị T giao tiền cho anh B 10.000.000 đồng, anh B nhận tiền trực tiếp từ chị T, nên trả cho chị T và không liên quan đến khoản vay nào của anh Th. Đồng thời chị T xuất trình cho Tòa án giấy vay đề ngày 20 tháng 6 năm 2019, có chữ ký của anh Th vay 30.000.000 đồng, và đến ngày 21 tháng 6 năm 2019 thì anh Th có vay tiếp 10.000.000 đồng nữa nên mới có giấy vay ngày 21/6/2019 và số tiền vay 40.000.000 đồng. Hơn nữa anh Th cũng không chứng minh được đã trả cho chị T 8.000.000 đồng. Do đó không có căn cứ để khẳng định anh Th đã trả cho chị T 8.000.000 đồng. Vì vậy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc anh Th trả cho chị T số tiền nợ gốc là 40.000.000 đồng.

Về lãi suất: Chị T yêu cầu anh Th trả lãi suất cho chị 1,5%/tháng kể từ ngày vay 21/6/2019 đến ngày 20/5/2020. Anh Th cho rằng khi vay hai bên thỏa thuận lãi suất 2000 đồng/1 triệu/ngày. Hội đồng xét xử xét thấy: Tại giấy vay tiền có ghi lãi suất 1,5%/tháng. Căn cứ vào Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, xét thấy yêu cầu của chị T là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên cần được chấp nhận. Chị T yêu cầu anh Th trả lãi cho chị từ ngày vay 21/6/2019 đến ngày 20/5/2020 là 11 tháng, như vậy cách tính như sau:

$40.000.000 \text{ đồng} \times 1,5\%/\text{tháng} \times 11 \text{ tháng} = 6.600.000 \text{ đồng}.$

Như vậy, cần buộc anh Trần Ngọc Th phải trả cho chị Trần Thị T số tiền nợ gốc 40.000.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày 20 tháng 5 năm 2020 là 6.600.000 đồng. Tổng cộng cả gốc và lãi suất là 46.600.000đ (Bốn mươi sáu triệu sáu trăm nghìn đồng).

Đối với số tiền 2.000.000 đồng chị T khai cho anh Th vay thêm qua anh B, nhưng không có giấy tờ gì nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó HĐXX không xem xét.

[4]. Về án phí: Bị đơn phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 280, 357, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự 2015; Các điều 26, 35, 39, 147, 233, 235 và điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị T.
2. Buộc anh Trần Ngọc Th có nghĩa vụ trả tiền vay ngày 21/6/2019 cho chị Trần Thị T số tiền nợ gốc là 40.000.000 đồng và tiền lãi là 6.600.000 đồng. Tổng cộng cả gốc và lãi suất là 46.600.000đ (Bốn mươi sáu triệu sáu trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi Hành án dân sự.

3. Về án phí:

Anh Trần Ngọc Th phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm là 2.330.000đ (Hai triệu ba trăm ba mươi nghìn đồng).

Hoàn trả lại cho chị Trần Thị T số tiền tạm ứng án phí 1.165.000đ (Một triệu một trăm sáu mươi lăm nghìn đồng) chị T đã nộp theo biên lai thu tiền 0003784 ngày 17 tháng 6 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Quỳnh Lưu.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm./.

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- VKS ND huyện Q.Lưu;
- THADS Quỳnh Lưu;
- Các đương sự;
- Lưu VP, HS.

Phan Thị Đóa